

TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA
CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2026/TXL-TĐG/PTC1-TCKT
V/v: Đề nghị cung cấp báo giá dịch vụ thẩm
định giá VTTB thanh lý

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Hiện nay, Công ty Truyền tải điện 1 đang có nhu cầu thanh lý tài sản là các VTTB thu hồi, cũ hỏng không cần dùng. Để đảm bảo đúng theo quy định và có căn cứ làm thủ tục thanh lý tài sản, Công ty Truyền tải điện 1 cần lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện để thẩm định giá tài sản.

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên và địa chỉ đơn vị có tài sản thẩm định giá: Công ty Truyền tải điện 1.

2. Tên tài sản thẩm định giá: VTTB không cần dùng chờ thanh lý.

(Có phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo)

3. Mục đích thẩm định giá: Xác định giá trị tài sản làm cơ sở bán đấu giá tài sản nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá:

- Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn phải doanh nghiệp có tên trong danh sách các doanh nghiệp đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tài sản theo thông báo gần nhất của Bộ Tài chính;

- Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn không thuộc trường hợp không được thẩm định giá theo quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024, Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024; Thông tư số 31/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024, Thông tư số 32/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024, Thông tư số 36/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật về thẩm định giá;

- Doanh nghiệp có thời gian hoạt động từ 03 năm trở lên;

- Thẩm định viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật giá và qui định của pháp luật, có kinh nghiệm trong lĩnh vực thẩm định giá; doanh nghiệp thẩm định giá có uy tín, ...

- Giá dịch vụ thẩm định giá trọn gói (đã bao gồm thuế, các chi phí đi khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá);

- Các tiêu chí khác: Cung cấp chứng thư theo quy định và chịu trách nhiệm về giá thẩm định.

5. Hồ sơ gồm có:

TT	Tiêu chí bắt buộc	Yêu cầu
1	Hồ sơ pháp lý	- Được thành lập theo đúng quy định của pháp luật (Có bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập, Chứng chỉ hành nghề,...). - Bản sao Thông báo danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động của Bộ tài chính gần nhất.
2	Năng lực, kinh nghiệm	- Có đủ 3 năm kinh nghiệm trở lên (Tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2026)
3	Nhân sự	Bản sao chứng chỉ của Thẩm định viên tham gia thẩm định giá.
4	Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá	Giá thẩm định là giá trọn gói (đã bao gồm thuế, các chi phí đi khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá)
5	Các tiêu chí khác	Cung cấp chứng thư theo quy định chịu trách nhiệm về giá thẩm định.

6. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ báo giá thẩm định giá tài sản:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ báo giá thẩm định giá là 07 ngày kể từ ngày hiệu lực đăng thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty Truyền tải điện 1 (<https://ptcl.com.vn>)

- Địa điểm nhận hồ sơ báo giá tham gia thẩm định giá:

- + Công ty Truyền tải điện 1;
- + Số 15 Phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội;
- + Số điện thoại liên hệ: 024 22100253

7. Một số lưu ý:

- Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày 11/9/2026.
- Các đơn vị nộp chậm hồ sơ báo giá sau 07 ngày kể từ ngày hiệu lực nói trên sẽ không được chấp nhận.

Xin trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phúc An

**PHỤ LỤC DANH MỤC ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ
NĂM 2026**

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
1	2.05.00.000.000.00.GXX	Sắt thép các loại	Kg	467	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
2	2.05.55.000.000.00.GXX	Chi tiết cột thép	Kg	15 513	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
3	2.55.81.000.000.00.GXX	Dây đồng các loại	Kg	28	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
4	2.55.81.003.000.00.GXX	Đồng phế liệu	Kg	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
5	3.10.60.300.000.00.GXX	Sứ đỡ 35kV	Cái	3	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
6	3.10.85.000.000.00.GXX	Cách điện Composite	Cái	21	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
7	3.10.86.000.000.00.D00	Cách điện gốm	Cái	2	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
8	3.10.87.030.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh IIC-70	Cái	96	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
9	3.10.87.477.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh U-160	Cái	605	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
10	3.15.00.001.000.00.GXX	Cáp đồng phế liệu	Kg	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
11	3.15.28.117.000.00.GXX	Dây chống sét Phlox 116 mm2 vụn	Kg	771	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
12	3.15.28.398.000.00.GXX	Dây nhôm 400 mm2 vụn	Kg	43	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
13	3.15.28.564.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 500/64 mm2 vụn	Kg	189	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
14	3.15.42.630.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 1*630 mm2	Mét	48	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
15	3.15.44.003.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*2,5 mm2	Mét	730	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
16	3.15.56.415.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*1,5 mm2	Mét	252	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
17	3.15.56.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*2,5 mm2	Mét	518	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
18	3.15.56.440.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*4 mm2	Mét	53	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
19	3.15.56.725.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 7*2,5 mm2	Mét	177	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
20	3.15.57.225.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 12*2,5 mm2	Mét	797	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
21	3.15.57.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 19*2,5 mm2	Mét	86	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
22	3.15.58.064.000.00.GXX	Cáp đồng chống nhiễu Cu/PVC-Sc 6*4 mm2	Mét	236	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
23	3.20.28.015.000.00.GXX	Khung định vị dây ASTER 366	Cái	33	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
24	3.20.66.341.000.00.GXX	Tạ chống rung dây dẫn ASTER 366	Cái	48	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
25	3.20.87.301.000.00.GXX	Kẹp cực các loại	Cái	13	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
26	3.25.40.000.000.00.GXX	Đầu cáp ngoài trời	Bộ	162	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
27	3.42.16.000.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 220kV không tiếp đất	Bộ	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
28	3.42.16.001.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 220kV 1 tiếp đất	Bộ	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
29	3.42.89.109.000.00.GXX	Chống sét van 110kV	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
30	3.53.95.009.000.00.GXX	Biến dòng điện 123kV	Cái	4	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
31	3.56.95.009.000.00.GXX	Biến điện áp 123kV	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
32	3.56.98.000.000.00.GXX	Bộ chuyển đổi nguồn	Cái	4	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
33	3.56.98.004.000.00.GXX	Bộ nguồn các loại	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
34	3.62.30.001.000.00.GXX	Đồng hồ đếm sét	Cái	7	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
35	3.63.00.000.000.00.GXX	Tủ đấu dây ngoài trời	Cái	16	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
36	3.66.83.034.000.00.GXX	Đèn tín hiệu trên không	Cái	14	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
37	3.80.84.100.000.00.GXX	Hàng kẹp	Cái	150	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
38	3.95.00.030.000.00.GXX	Vỏ tủ MK các loại	Cái	4	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
39	5.20.02.092.000.00.GXX	Block lạnh điều hòa	Cái	4	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
40	5.76.97.200.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ dầu máy biến áp	Cái	7	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
41	5.76.97.400.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ cuộn dây	Cái	10	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
42	5.76.97.705.000.00.GXX	Quạt làm mát MBA	Cái	2	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
43	5.76.98.345.000.00.GXX	Rơ le dòng dầu	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
44	5.76.99.004.000.00.GXX	Bộ thử silicagen	Cái	2	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
45	5.76.99.100.000.00.GXX	Bộ lọc	Bộ	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
46	5.76.99.809.000.00.GXX	Cánh tản nhiệt MBA 220kV	Cái	5	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
47	5.80.05.100.000.00.GXX	Tiếp điểm dẫn điện	Cái	2	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
48	5.80.10.274.000.00.GXX	Cuộn cắt MC 500kV	Cái	2	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
49	5.80.25.437.000.00.GXX	Vỏ tủ điều khiển các loại	Cái	2	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
50	8.32.92.133.000.00.GXX	Bộ dụng cụ lấy mẫu khí	Bộ	2	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
51	8.88.55.210.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 9000 BTU	Bộ	17	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
52	8.88.55.231.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 12.000 BTU	Bộ	5	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
53	8.88.55.341.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 18.000 BTU	Bộ	6	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
54	8.88.55.361.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 24.000BTU	Bộ	4	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
55	8.88.55.363.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 48.000BTU	Bộ	10	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
56	8.90.90.061.000.00.GXX	Động cơ bơm 3 pha	Cái	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
57	8.90.90.295.000.00.GXX	Máy bơm điện	Cái	2	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
58	2.05.00.000.000.00.AXX	Sắt thép các loại	Kg	834	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
59	2.05.00.000.000.00.GXX	Sắt thép các loại	Kg	285	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
60	2.05.00.001.000.00.GXX	Thép thu hồi	Kg	72	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
61	2.46.09.000.000.00.GXX	Cùi sứ các loại	Cái	28	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
62	2.46.09.001.000.00.GXX	Cùi sứ 160	Cái	16	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
63	2.46.09.002.000.00.GXX	Cùi sứ U300 F9	Cái	5	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
64	2.46.09.003.000.00.GXX	Cùi sứ U 70	Cái	14	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
65	2.46.09.008.000.00.GXX	Củ sứ U210	Cái	3	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
66	3.06.61.114.000.00.BXX	Máng đỡ dây chống sét IIGH 2-6	Cái	4	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
67	3.10.85.200.000.00.GXX	Cách điện Composite 120kN	Cái	42	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
68	3.10.85.600.000.00.GXX	Cách điện Composite 300kN	Cái	202	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
69	3.10.87.246.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 120kN	Cái	18	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
70	3.10.87.638.000.00.AXX	Cách điện thủy tinh U-210B	Cái	22	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
71	3.10.90.900.000.00.AXX	Vòng đẳng thế	Cái	252	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
72	3.10.90.900.000.00.GXX	Vòng đẳng thế	Cái	252	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
73	3.10.91.100.000.00.AXX	Cụm bắt chuỗi cách điện	Cái	2	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
74	3.10.91.100.000.00.GXX	Cụm bắt chuỗi cách điện	Cái	3	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
75	3.15.27.635.000.00.GXX	Dây nhôm AAC 630 vụn	Kg	22	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
76	3.15.28.512.000.00.GXX	Dây nhôm ACCC 510 mm2 thu hồi	Kg	1 098	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
77	3.20.13.002.000.00.GXX	Ổng nối dây dẫn	Cái	16	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
78	3.20.25.244.000.00.AXX	Kẹp rẽ nhánh chữ T 2 dây nhôm 400 với 1 dây nhôm 400	Cái	4	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
79	3.20.45.200.000.00.AXX	Mắt nối kép	Cái	118	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
80	3.20.45.600.000.00.GXX	Mắt nối thi công	Cái	6	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
81	3.20.60.002.000.00.GXX	Khóa néo dây dẫn	Cái	6	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
82	3.20.65.115.000.00.AXX	Vòng treo đầu tròn CP-12-16	Cái	6	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
83	3.20.65.963.000.00.AXX	Tạ chống rung dây dẫn (3kg)	Cái	7	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
84	3.20.67.000.000.00.G05	Tạ bù	Bộ	18	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
85	3.20.70.201.000.00.AXX	Mô phóng đơn	Cái	2	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
86	3.20.70.750.000.00.GXX	Mô phóng sét dây TK-70	Cái	2	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
87	3.20.71.000.000.00.A10	Bộ đệm dây	Bộ	176	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
88	3.20.84.208.000.00.GXX	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	18	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
89	3.20.84.700.000.00.AXX	Kẹp cực dao cách ly	Cái	48	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
90	3.20.86.137.000.00.AXX	Kẹp cực Simel	Cái	6	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
91	3.20.86.222.000.00.AXX	Kẹp cực Máy cắt	Cái	12	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
92	3.20.86.259.000.00.AXX	Kẹp cực Biến dòng điện 245kV với 1 dây nhôm 885 mm2	Cái	19	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
93	3.42.95.018.000.00.GXX	Đồng hồ đếm sét kiểu SC13	Cái	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
94	3.50.43.209.000.00.GXX	Rơ le hơi	Cái	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
95	3.53.83.060.000.00.GXX	Biến dòng điện 35kV 31,5kA/1s 5P20	Cái	6	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
96	3.66.81.010.000.00.AXX	Đèn chiếu sáng	Cái	8	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
97	3.80.22.065.000.00.GXX	Bộ chuyển mạch switch 24 port 10/100Mbps	Cái	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
98	4.38.00.003.000.00.GXX	Bu lông, êcu, vòng đệm các loại	Kg	5	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
99	4.84.04.000.VIE.00.G01	Ổ khóa các loại	Cái	229	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
100	5.20.02.007.VIE.00.G01	Vòng bi các loại	Bộ	28	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
101	5.20.02.092.000.00.G01	Block lạnh điều hòa	Cái	2	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
102	5.20.02.503.000.00.G01	Tăng bua	Cái	4	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
103	5.76.97.705.000.00.G00	Quạt làm mát MBA	Cái	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
104	5.76.97.900.000.00.GXX	Bơm dầu tuần hoàn	Cái	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
105	5.76.99.804.000.00.CXX	Cánh tản nhiệt kháng dầu 500kV	Cái	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
106	5.76.99.817.000.00.A10	Cánh tản nhiệt MBA 500kV JST	Cái	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
107	8.88.55.210.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 9000 BTU	Bộ	12	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
108	8.88.55.231.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 12.000 BTU	Bộ	1	TTĐ Hòa Bình, số 52 đường Hữu Nghị, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
109	8.88.55.341.THA.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 18.000 BTU	Bộ	14	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
110	8.88.55.361.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 24.000BTU	Bộ	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
111	8.88.55.362.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 36.000BTU	Bộ	4	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
112	8.90.90.294.000.00.G05	Máy bơm thả chìm 1 HP	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
113	8.90.90.924.CHN.00.G01	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
114	8.90.90.942.000.00.G01	Bình chữa cháy MFZ4	Bình	8	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
115	3.10.85.200.000.00.GXX	Cách điện Composite 120kN	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
116	3.10.87.002.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	69	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
117	3.50.00.001.000.00.GXX	Rơ-le các loại	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
118	3.10.60.749.000.00.G25	Sứ xoay Dao cách ly 500kV Egic-OH	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
119	3.20.84.208.000.00.GXX	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	6	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
120	2.05.00.000.000.00.G10	Sắt thép các loại	Kg	250	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
121	2.05.00.002.000.00.BXX	Sắt phế liệu	Kg	4	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
122	2.05.00.002.000.00.GXX	Sắt phế liệu	Kg	9 993	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
123	2.90.10.009.VIE.00.G10	Tôn lợp mái	Kg	84	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
124	3.06.60.050.000.00.GXX	Giá đỡ	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
125	3.10.60.300.000.00.GXX	Sứ đỡ 35kV	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
126	3.10.86.815.000.00.GXX	Tăng đỡ ren	Cái	51	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
127	3.10.88.759.000.00.GXX	Chuỗi đỡ dây cáp quang DZ 220	Chuỗi	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
128	3.10.88.835.000.00.GXX	Chuỗi đỡ dây chống sét DCS	Chuỗi	60	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
129	3.10.89.650.000.00.GXX	Chuỗi néo dây cáp quang	Chuỗi	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
130	3.10.89.740.000.00.GXX	Chuỗi néo dây chống sét	Chuỗi	22	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
131	3.15.00.143.000.00.GXX	Cáp mạng CAT5	Mét	20	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
132	3.15.28.001.000.00.GXX	Dây chống sét vụn	Kg	7 047	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
133	3.15.28.328.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 330/43 mm2 vụn	Kg	73	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
134	3.15.28.564.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 500/64 mm2 vụn	Kg	56	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
135	3.15.34.001.000.00.GXX	Dây cáp quang OPGW vụn	Kg	214	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
136	3.15.44.003.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*2,5 mm2	Mét	40	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
137	3.15.46.186.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 3*185 mm2	Mét	35	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
138	3.20.13.002.000.00.GXX	Ổng nối dây dẫn	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
139	3.20.26.245.000.00.A50	Kẹp rẽ nhánh chữ T 2 dây nhôm 500/64 với 1 dây nhôm 500/64	Cái	12	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
140	3.20.28.000.000.00.GXX	Khung định vị	Cái	11	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
141	3.20.28.000.FRA.00.G01	Khung định vị	Cái	8	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
142	3.20.60.002.000.00.G05	Khóa néo dây dẫn	Cái	24	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
143	3.20.65.804.000.00.GXX	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	129	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
144	3.34.06.010.000.00.GXX	Nút ấn	Cái	177	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
145	3.34.60.000.000.00.GXX	khóa điều khiển các loại	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
146	3.42.88.229.000.00.GXX	Chống sét van 22kV	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
147	3.42.89.109.000.00.GXX	Chống sét van 110kV	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
148	3.46.88.000.000.00.GXX	Khởi động từ	Cái	156	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
149	3.50.00.001.000.00.GXX	Rơ-le các loại	Cái	39	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
150	3.50.22.000.000.00.GXX	Rơ-le so lệch máy biến áp	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
151	3.50.22.030.000.00.G00	Rơ-le bảo vệ so lệch các loại	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
152	3.50.22.371.000.00.GXX	Rơ-le bảo vệ so lệch 7UT6331 Siemens	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
153	3.50.38.100.000.00.GXX	Rơ le trung gian chốt trạng thái 220 VDC	Cái	5	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
154	3.50.43.000.000.00.GXX	Rơ-le thời gian	Cái	123	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
155	3.50.43.000.CHN.00.G01	Rơ-le thời gian	Cái	10	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
156	3.50.56.091.000.00.GXX	Rơ le lựa chọn thời điểm đóng cắt	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
157	3.50.64.001.000.00.GXX	Rơ-le cảm biến nhiệt	Cái	89	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
158	3.50.76.025.000.00.GXX	Rơ le áp lực đột biến	Cái	5	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
159	3.56.98.000.000.00.GXX	Bộ chuyển đổi nguồn	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
160	3.56.98.004.000.00.GXX	Bộ nguồn các loại	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
161	3.60.55.006.000.00.GXX	Công tơ điện tử	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
162	3.60.55.007.000.00.GXX	Công tơ	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
163	3.62.83.000.000.00.GXX	Đồng hồ đo lường đa chức năng	Cái	8	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
164	3.62.99.200.FRA.00.GXX	Tủ nạp ắc quy	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
165	3.63.00.005.000.00.GXX	Tủ đấu nối trung gian	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
166	3.63.00.269.000.00.GXX	Hộp phân phối quang ODF	Hộp	5	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
167	3.64.66.592.000.00.GXX	Card giao tiếp các loại	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
168	3.66.00.000.000.00.D00	Đèn các loại	Cái	30	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
169	3.66.10.000.CHN.00.G01	Bóng đèn các loại	Cái	47	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
170	3.66.83.034.000.00.GXX	Đèn tín hiệu trên không	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
171	3.80.42.000.000.00.GXX	Cáp quang	Mét	672	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
172	3.80.84.100.000.00.GXX	Hàng kệ	Cái	150	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
173	3.82.63.200.000.00.GXX	Bộ chuyển mạch switch	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
174	3.90.62.000.GER.00.G01	Điện trở sấy	Cái	187	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
175	3.94.50.011.000.00.G01	Aptomat và phụ kiện	Cái	111	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
176	3.99.92.229.000.00.GXX	Thiết bị điều khiển mức ngăn BCU	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
177	4.94.75.002.000.00.G01	Cửa nhà làm việc	Cái	7	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
178	4.94.75.015.000.00.GXX	Cửa nhựa	M2	245	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
179	5.12.04.000.000.00.GXX	Lốp xe ô tô	Cái	20	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
180	5.18.96.030.000.00.GXX	Quạt thông gió 220V	Cái	40	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
181	5.19.04.000.000.00.G01	Van áp lực	Cái	5	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
182	5.20.02.000.000.00.B01	Phụ tùng xe ô tô	Lô	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
183	5.20.02.007.000.00.GXX	Vòng bi các loại	Bộ	40	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
184	5.20.02.092.000.00.GXX	Block lạnh điều hòa	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
185	5.20.02.211.000.00.GXX	Giàn lạnh	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
186	5.20.02.243.000.00.G01	Kết nước	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
187	5.20.02.372.THA.00.G01	Rô tuyn thước lái trong	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
188	5.76.97.000.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị mức dầu	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
189	5.76.97.200.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ dầu máy biến áp	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
190	5.76.97.400.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ cuộn dây	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
191	5.76.97.705.000.00.G00	Quạt làm mát MBA	Cái	8	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
192	5.76.97.705.000.00.GXX	Quạt làm mát MBA	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
193	5.76.98.155.000.00.GXX	Van phòng nổ	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
194	5.76.98.299.000.00.GXX	Rơle hơi	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
195	5.76.98.345.000.00.GXX	Rơ le dòng dầu	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
196	5.76.99.004.000.00.GXX	Bộ thử silicagen	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
197	5.76.99.006.000.00.GXX	Bộ thử cho thùng dầu OLTC	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
198	5.76.99.809.000.00.GXX	Cánh tản nhiệt MBA 220kV	Cái	8	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
199	5.80.06.356.000.00.GXX	Lưỡi DCL 220kV	Bộ	24	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
200	5.80.10.179.000.00.GXX	Bộ truyền động máy cắt 500kV	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
201	5.80.14.471.000.00.GXX	Cuộn đóng cắt các loại	Cái	8	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
202	5.80.25.811.VIE.00.G01	Cuộn liên động	Cái	101	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
203	5.80.40.017.000.00.GXX	Dàn nóng máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
204	5.80.40.035.000.00.G01	Quạt dàn nóng máy điều hòa nhiệt độ	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
205	5.80.40.036.TPE.00.G01	Quạt dàn lạnh máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
206	5.86.90.971.000.00.GXX	Mô tơ điện cửa cổng	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
207	8.10.86.050.000.00.GXX	Cửa kính khung nhôm	M2	6	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
208	8.32.02.300.000.00.G01	Máy khoan điện	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
209	8.75.60.307.000.00.G01	Đồng hồ áp lực	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
210	8.88.45.101.000.00.GXX	Quạt hút gió	Cái	6	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
211	8.88.52.595.000.00.G00	Máy vi tính xách tay	Bộ	4	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
212	8.88.53.601.VIE.00.G01	Máy in Laser	Cái	6	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
213	8.88.55.231.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 12.000 BTU	Bộ	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
214	8.90.90.295.000.00.GXX	Máy bơm điện	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
215	3.15.56.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*2,5 mm2	Mét	12	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
216	2.05.00.000.000.00.AXX	Sắt thép các loại	Kg	10	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
217	2.05.00.001.000.00.GXX	Thép thu hồi	Kg	2 313	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
218	2.05.00.002.000.00.GXX	Sắt phế liệu	Kg	707	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
219	2.55.81.003.000.00.GXX	Đồng phế liệu	Kg	31	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
220	2.71.00.001.000.00.GXX	Nhôm phế liệu	Kg	56	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
221	3.10.60.201.000.00.GXX	Sứ đỡ 22 kV	Bộ	9	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
222	3.10.86.002.000.00.GXX	Cách điện gốm 70kN	Cái	91	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
223	3.10.87.012.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh F70/127	Cái	89	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
224	3.10.88.759.000.00.GXX	Chuỗi đỡ dây cáp quang ĐZ 220	Chuỗi	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
225	3.10.91.000.000.00.GXX	Phụ kiện chuỗi đỡ dây dẫn	Chuỗi	6	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
226	3.10.92.300.000.00.GXX	Phụ kiện chuỗi đỡ dây chống sét	Chuỗi	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
227	3.15.00.001.000.00.GXX	Cáp đồng phế liệu	Kg	205	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
228	3.15.28.002.000.00.GXX	Dây chống sét TK 70	Kg	102	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
229	3.15.33.477.000.00.GXX	Dây nhôm siêu nhiệt ACCC 477	Kg	2 358	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
230	3.15.42.050.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 1*50 mm2	Mét	135	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
231	3.15.44.003.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*2,5 mm2	Mét	175	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
232	3.15.44.004.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*4 mm2	Mét	150	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
233	3.15.46.240.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 3*240 mm2	Mét	20	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
234	3.15.56.440.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*4 mm2	Mét	50	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
235	3.15.56.525.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 5*2,5 mm2	Mét	274	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
236	3.15.57.240.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 12*4 mm2	Mét	75	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
237	3.15.57.615.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 27*1,5 mm2	Mét	218	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
238	3.15.57.815.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 48*1,5 mm2	Mét	133	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
239	3.15.82.120.VIE.00.BXX	Cáp lực 24kV Cu/XLPE/PVC 1*120 mm2	Mét	210	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
240	3.15.83.120.000.00.GXX	Cáp lực 24kV Cu/XLPE/PVC 3*120mm2	Mét	42	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
241	3.15.86.034.000.00.GXX	Cáp lực 22kV Cu/XLPE/PVC 3*35 mm2	Mét	32	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
242	3.20.60.002.000.00.GXX	Khóa néo dây dẫn	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
243	3.20.65.801.000.00.GXX	Tạ chống rung dây cáp quang	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
244	3.20.65.804.000.00.GXX	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
245	3.20.66.000.000.00.GXX	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	18	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
246	3.20.66.070.000.00.AXX	Tạ chống rung dây chống sét TK 70	Cái	100	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
247	3.34.50.131.000.00.G01	khóa Local-Remote-Switch	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
248	3.42.68.223.KOR.00.GXX	Máy cắt 24kV LVB-20M-25E/06-1H2H-BC1 24kV, 630A	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
249	3.42.70.151.000.00.GXX	Tủ hợp bộ 24kV	Bộ	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
250	3.42.70.201.000.00.GXX	Tủ hợp bộ biến điện áp đo lường 24kV	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
251	3.42.88.221.000.00.GXX	Chống sét van 22kV 10kA	Cái	6	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
252	3.46.00.000.000.00.GXX	Áp-tô-mát	Cái	76	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
253	3.46.88.000.000.00.GXX	Khởi động từ	Cái	7	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
254	3.50.38.100.000.00.GXX	Rơ le trung gian chốt trạng thái 220 VDC	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
255	3.50.56.000.000.00.GXX	Rơ-le trung gian	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
256	3.62.30.001.000.00.AXX	Đồng hồ đếm sét	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
257	3.62.30.001.000.00.GXX	Đồng hồ đếm sét	Cái	6	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
258	3.62.95.019.000.00.GXX	Tủ điều khiển máy cắt tại chỗ	Tủ	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
259	3.64.66.592.000.00.GXX	Card giao tiếp các loại	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
260	3.66.81.010.000.00.AXX	Đèn chiếu sáng	Cái	48	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
261	3.66.83.034.000.00.GXX	Đèn tín hiệu trên không	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
262	3.82.63.310.000.00.GXX	Bộ biến đổi quang điện	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
263	3.94.40.034.000.00.GXX	Switch mạng các loại	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
264	3.94.50.618.000.00.AXX	Tủ truyền động Máy cắt 245kV	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
265	3.99.92.222.000.00.GXX	Thiết bị đầu cuối Hội nghị truyền hình VCS + camera kèm phần mềm, phụ kiện lắp đặt	Bộ	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
266	4.38.00.003.000.00.GXX	Bu lông, êcu, vòng đệm các loại	Kg	640	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
267	4.38.20.051.000.00.GXX	Bu lông các loại (vật tư thu hồi)	Kg	405	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
268	4.96.60.246.000.00.GXX	CPU máy tính các loại	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
269	5.76.97.705.000.00.GXX	Quạt làm mát MBA	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
270	5.80.06.356.000.00.GXX	Lưỡi DCL 220kV	Bộ	5	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
271	5.80.11.313.000.00.G01	Cuộn cắt MC 110kV	Cái	6	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
272	5.80.12.198.000.00.GXX	Tủ truyền động MC 220kV	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
273	5.80.14.126.000.00.GXX	Động cơ tích năng MC	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
274	5.80.14.471.000.00.GXX	Cuộn đóng cắt các loại	Cái	9	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
275	5.80.25.442.000.00.GXX	Quạt làm mát thiết bị	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
276	5.80.40.010.000.00.G00	Bo mạch (Máy điều hoà nhiệt độ)	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
277	5.80.40.036.TPE.00.G01	Quạt dàn lạnh máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
278	5.80.40.039.000.00.GXX	Block dàn nóng điều hòa	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
279	5.96.11.200.000.00.GXX	Màn hình máy vi tính	Cái	16	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
280	8.70.10.305.000.00.GXX	Công tơ 3 pha Landis 3x58/100 V-415V 3x5A	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
281	8.70.10.414.000.00.GXX	Công tơ 3x1(2)A; 58/100V- 240/415V; CCX 0.5, RS485 ZMD405C Landis+Gyr.	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
282	8.80.00.216.000.00.GXX	Camera nhiệt	Cái	5	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
283	8.88.50.800.000.00.GXX	Máy ghi âm	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
284	8.88.51.598.000.00.GXX	Máy tính để bàn Dell	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
285	8.88.52.595.000.00.G00	Máy vi tính xách tay	Bộ	3	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
286	8.88.54.031.000.00.G01	Tivi	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
287	8.88.55.231.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 12.000 BTU	Bộ	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
288	8.88.55.341.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 18.000 BTU	Bộ	2	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
289	8.88.55.361.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 24.000BTU	Bộ	10	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
290	8.88.55.955.000.00.GXX	Máy hút ẩm	Cái	8	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
291	8.88.55.981.000.00.DXX	Máy hút bụi các loại	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
292	8.88.55.994.000.00.GXX	Bình nước nóng lạnh	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
293	8.88.60.506.000.00.GXX	Hệ thống âm thanh (Loa+ amply+ đầu đĩa + micro)	Bộ	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
294	8.90.90.295.000.00.GXX	Máy bơm điện	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
295	8.90.90.950.000.00.G05	Máy bơm 2-3 HP 1 pha	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
296	2.05.00.000.000.00.GXX	Sắt thép các loại	Kg	4 501	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
297	2.05.55.000.000.00.GXX	Chi tiết cột thép	Kg	4 042	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
298	2.55.81.000.000.00.GXX	Dây đồng các loại	Kg	71	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
299	2.55.81.003.000.00.GXX	Đồng phế liệu	Kg	6	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
300	2.71.00.001.000.00.GXX	Nhôm phế liệu	Kg	129	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
301	3.10.74.500.000.00.GXX	Sứ xuyên 110kV	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
302	3.10.74.554.000.00.GXX	Sứ xuyên 110kV 1600A COT 650/1600	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
303	3.10.74.600.000.00.GXX	Sứ xuyên 220kV	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
304	3.10.89.650.000.00.GXX	Chuỗi néo dây cáp quang	Chuỗi	4	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
305	3.15.27.512.000.00.GXX	Dây nhôm AAC-560mm2	Mét	51	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
306	3.15.28.885.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 885 mm2	Kg	45	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
307	3.15.34.001.000.00.GXX	Dây cáp quang OPGW vụn	Kg	920	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
308	3.20.83.000.000.00.GXX	Đầu cốt	Cái	3	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
309	3.20.84.100.000.00.GXX	Kẹp cực máy Biến điện áp	Cái	6	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
310	3.20.84.700.000.00.GXX	Kẹp cực dao cách ly	Cái	27	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
311	3.20.86.000.000.00.GXX	Kẹp cực thiết bị	Cái	26	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
312	3.20.86.222.000.00.GXX	Kẹp cực Máy cắt	Cái	6	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
313	3.46.30.000.000.00.GXX	Áp-tô-mát 3 cực	Cái	10	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
314	3.50.00.001.000.00.GXX	Rơ-le các loại	Cái	25	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
315	3.50.32.012.000.00.AXX	Rơ-le bảo vệ khoảng cách REL 670 (ABB)	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
316	3.56.95.010.000.00.GXX	Biến điện áp 110kV ABB	Cái	4	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
317	3.56.98.070.000.00.GXX	Bộ lưu điện các loại	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
318	3.63.01.000.000.00.GXX	Tủ điện	Cái	13	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
319	3.64.66.450.000.00.GXX	Card điều khiển các loại thu hồi	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
320	3.82.63.310.000.00.GXX	Bộ biến đổi quang điện	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 3, tổ 5 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên
321	3.94.01.000.000.00.GXX	Hộp nối cáp quang	Cái	1	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Văn Phú, tỉnh Phú Thọ

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
322	3.96.01.008.000.00.GXX	Thiết bị cảm biến nhiệt động	Bộ	3	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
323	3.99.92.147.000.00.GXX	Thiết bị bảo vệ xa SWT3000	Bộ	5	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
324	4.90.80.300.000.00.GXX	Nhựa phế liệu	Kg	445	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
325	5.12.50.220.000.00.GXX	Lốp xe ô tô 225/75/16	Cái	35	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
326	5.76.97.200.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ dầu máy biến áp	Cái	6	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
327	5.76.97.400.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ cuộn dây	Cái	4	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
328	5.76.97.705.000.00.GXX	Quạt làm mát MBA	Cái	2	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
329	5.76.99.004.000.00.GXX	Bộ thử silicagen	Cái	1	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
330	5.80.06.356.000.00.GXX	Lưới DCL 220kV	Bộ	21	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
331	5.80.07.358.000.00.GXX	Lưới DCL 110kV	Bộ	9	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
332	8.70.10.233.000.00.GXX	Công tơ điện tử 3P4W, A1700, Cl 0,5, 3x58/100..240/415, 3x1 (1,2)A, RS485	Cái	1	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
333	8.70.10.305.000.00.GXX	Công tơ 3 pha Landis 3x58/100 V-415V 3x5A	Cái	2	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
334	8.88.45.204.000.00.GXX	Quạt trần	Cái	28	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
335	8.88.55.210.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 9000 BTU	Bộ	17	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
336	8.88.55.231.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 12.000 BTU	Bộ	6	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
337	8.88.55.341.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 18.000 BTU	Bộ	6	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
338	8.88.55.361.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 24.000BTU	Bộ	6	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
339	8.88.55.363.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 48.000BTU	Bộ	2	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
340	8.88.55.994.000.00.GXX	Bình nước nóng lạnh	Cái	6	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
341	2.05.00.002.000.00.GXX	Sắt phế liệu	Kg	8 030	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
342	2.46.09.000.000.00.GXX	Cùi sứ các loại	Cái	13	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
343	2.55.81.003.000.00.DXX	Đồng phế liệu	Kg	19	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
344	2.71.00.001.000.00.BXX	Nhôm phế liệu	Kg	17	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
345	3.10.87.002.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	2 747	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
346	3.10.87.428.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 160kN	Cái	270	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
347	3.10.87.477.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh U-160	Cái	720	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
348	3.10.91.000.000.00.GXX	Phụ kiện chuỗi đỡ dây dẫn	Chuỗi	3	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
349	3.10.91.042.000.00.GXX	Phụ kiện chuỗi néo 220kV	Chuỗi	55	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
350	3.10.91.475.000.00.GXX	Phụ kiện chuỗi đỡ đơn ĐĐ	Chuỗi	168	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
351	3.15.28.328.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 330/43 mm2 vụn	Kg	80	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
352	3.15.28.500.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 500/64 mm2	Kg	844	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
353	3.20.54.236.000.00.GXX	Khóa đỡ dây dẫn	Cái	740	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
354	3.20.60.070.000.00.GXX	Khóa néo dây TK 70	Cái	10	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
355	3.20.66.000.000.00.GXX	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	1 979	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
356	3.20.67.000.000.00.GXX	Tạ bù	Bộ	30	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
357	3.20.74.010.000.00.GXX	Dây néo cáp quang	Sợi	25	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
358	3.20.84.700.000.00.GXX	Kẹp cực dao cách ly	Cái	108	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
359	3.20.86.000.000.00.GXX	Kẹp cực thiết bị	Cái	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
360	3.20.86.222.000.00.GXX	Kẹp cực Máy cắt	Cái	6	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
361	3.20.87.301.000.00.GXX	Kẹp cực các loại	Cái	133	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
362	3.42.88.359.000.00.BXX	Chống sét van 35kV	Cái	1	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
363	3.50.56.000.CHN.00.G01	Rơ-le trung gian	Cái	12	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
364	3.50.84.054.000.00.GXX	Rơ-le bảo vệ 7SV6001	Cái	2	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
365	3.50.85.000.000.00.AXX	Rơ-le giám sát mạch cắt	Cái	2	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
366	3.53.82.000.000.00.GXX	Biến dòng điện 24kV các loại	Cái	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
367	3.56.92.011.000.00.GXX	Biến điện áp 24 kV 3P 0.5	Cái	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
368	3.56.96.007.000.00.GXX	Biến điện áp 245kV CVE-245	Cái	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
369	3.56.98.040.000.00.GXX	Máy biến áp tự dòng 250-10/0.4	Cái	1	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
370	3.60.55.006.000.00.GXX	Công tơ điện từ	Cái	1	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
371	3.62.95.000.000.00.GXX	Tủ điều khiển	Cái	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
372	3.62.95.049.000.00.GXX	Tủ đấu dây ngoài trời biến điện áp 110kV	Cái	23	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
373	5.80.12.930.000.00.GXX	Bộ giảm chấn máy cắt 220kV	Bộ	1	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
374	5.80.14.541.000.00.GXX	Đồng hồ đo áp lực khí SF6 cho MC	Cái	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
375	8.88.55.210.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 9000 BTU	Bộ	1	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
376	8.88.55.361.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 24.000BTU	Bộ	5	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
377	8.88.55.362.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 36.000BTU	Bộ	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
378	8.88.55.363.000.00.GXX	Máy điều hòa nhiệt độ 48.000BTU	Bộ	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
379	2.05.00.002.000.00.GXX	Sắt phế liệu	Kg	13 609	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
380	2.46.09.000.000.00.GXX	Cùi sứ các loại	Cái	26	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
381	2.46.09.001.000.00.GXX	Cùi sứ 160	Cái	10	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
382	2.46.09.003.000.00.GXX	Cùi sứ U 70	Cái	33	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
383	2.46.09.006.000.00.GXX	Cùi sứ 120kN	Cái	16	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
384	2.55.81.003.000.00.GXX	Đồng phế liệu	Kg	38	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
385	2.71.00.001.000.00.GXX	Nhôm phế liệu	Kg	350	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
386	3.06.60.851.000.00.GXX	Giá đỡ ác quy bằng sắt	Kg	70	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
387	3.06.64.012.000.00.GXX	Trụ đỡ kháng trung tính	Cái	1	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
388	3.06.67.632.000.00.GXX	Trụ đỡ Dao cách ly 3 pha 220kV 2 tiếp đất	Bộ	4	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
389	3.10.60.002.000.00.GXX	Sứ đỡ	Cái	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
390	3.10.60.201.000.00.GXX	Sứ đỡ 22 kV	Bộ	3	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
391	3.15.27.338.000.00.GXX	Dây nhôm AAC 380 mm ²	Mét	80	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
392	3.15.41.478.000.00.GXX	Dây dẫn siêu nhiệt GZT ACSR 310 mm ²	Mét	396	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
393	3.15.42.050.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 1*50 mm ²	Mét	7	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
394	3.15.42.070.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 1*70 mm ²	Mét	10	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
395	3.15.42.095.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 1*95 mm ²	Mét	105	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
396	3.15.42.120.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 1*120 mm ²	Mét	4	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
397	3.15.42.501.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1*500 mm ²	Mét	180	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bắc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
398	3.15.44.004.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*4 mm ²	Mét	72	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
399	3.15.44.050.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*50 mm ²	Mét	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
400	3.15.46.050.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 3*50 mm ²	Mét	19	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
401	3.15.46.120.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 3*120 mm ²	Mét	45	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
402	3.15.52.300.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 3*300 + 1*240 mm ²	Mét	45	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
403	3.15.56.415.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*1,5 mm ²	Mét	80	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
404	3.15.56.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*2,5 mm ²	Mét	33	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
405	3.15.56.460.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*6 mm ²	Mét	649	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
406	3.15.56.480.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*8 mm ²	Mét	12	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
407	3.15.56.715.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 7*1,5 mm2	Mét	145	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
408	3.15.56.725.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 7*2,5 mm2	Mét	149	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
409	3.15.57.225.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 12*2,5 mm2	Mét	217	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
410	3.15.57.415.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 19*1,5 mm2	Mét	71	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
411	3.15.57.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 19*2,5 mm2	Mét	10	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
412	3.15.57.525.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 24*2,5 mm2	Mét	660	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
413	3.15.57.625.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 27*2,5 mm2	Mét	87	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
414	3.20.60.905.000.00.GXX	Khóa néo ép dây GZTACSR 310 mm2	Cái	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
415	3.20.66.000.000.00.GXX	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
416	3.20.85.401.000.00.GXX	Kẹp cực Biến điện áp loại đứng	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
417	3.20.86.222.000.00.GXX	Kẹp cực Máy cắt	Cái	6	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
418	3.20.88.885.000.00.GXX	Kẹp cực nhôm thẳng 3 dây 885 mm2	Cái	3	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
419	3.42.16.000.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 220kV không tiếp đất	Bộ	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
420	3.42.16.001.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 220kV 1 tiếp đất	Bộ	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
421	3.42.16.002.IND.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 220kV 2 tiếp đất	Bộ	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
422	3.42.38.500.000.00.GXX	Máy cắt 3 pha 500kV	Bộ	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
423	3.42.70.129.000.00.GXX	Tủ hợp bộ dao cách ly 24KV	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
424	3.42.70.201.000.00.GXX	Tủ hợp bộ biến điện áp đo lường 24kV	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
425	3.42.70.210.000.00.GXX	Tủ hợp bộ máy cắt 24kV	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
426	3.42.88.249.000.00.GXX	Chống sét van 24kV	Cái	3	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
427	3.42.89.230.000.00.GXX	Chống sét van 220kV	Bộ	3	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
428	3.50.03.925.000.00.GXX	Rơ le bảo vệ quá dòng 7SJ85 - Siemens	Bộ	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
429	3.50.22.058.000.00.GXX	Rơ-le so lệch máy biến áp 7UT 6135	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
430	3.50.22.300.000.00.GXX	Rơ-le bảo vệ so lệch thanh cái	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
431	3.50.32.018.000.00.GXX	Rơ-le bảo vệ khoảng cách GRZ 200	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
432	3.50.32.552.000.00.GXX	Rơ-le bảo vệ khoảng cách PCS902	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
433	3.53.86.009.000.00.GXX	Biến dòng điện 220kV	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
434	3.53.86.040.000.00.AXX	Biến dòng điện 245kV 40kA/3s	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
435	3.56.95.809.000.00.GXX	Máy biến điện áp 110kV	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
436	3.56.96.018.000.00.GXX	Biến điện áp 245kV (class 0,5)	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
437	3.60.55.006.000.00.GXX	Công tơ điện tử	Cái	3	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
438	3.82.63.200.000.00.GXX	Bộ chuyển mạch switch	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
439	4.90.80.300.000.00.GXX	Nhựa phế liệu	Kg	287	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
440	5.12.04.000.000.00.GXX	Lốp xe ô tô	Cái	5	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
441	5.12.50.220.000.00.GXX	Lốp xe ô tô 225/75/16	Cái	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
442	5.76.29.250.VIE.00.GXX	Máy biến áp tự dùng 22/0,4kV 250kVA	Máy	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
443	5.77.05.006.000.00.GXX	Kháng điện trung tính 24kV	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
444	5.80.40.006.000.00.GXX	Block máy điều hòa nhiệt độ 24000 BTU	Cái	2	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
445	5.96.11.200.000.00.GXX	Màn hình máy vi tính	Cái	1	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
446	3.10.87.246.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 120kN	Cái	16	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
447	3.10.92.316.000.00.AXX	Phụ kiện chuỗi cách điện đỡ ĐĐ	Chuỗi	58	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
448	3.15.28.248.000.00.GXX	Dây nhôm ASTER 366 thu hồi	Kg	455	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
449	3.56.95.008.IND.00.AXX	Biến điện áp 110kV kiểu CVE 145/650/50	Cái	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
450	3.56.96.060.000.00.GXX	Biến điện áp 220kV	Cái	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
451	2.05.00.000.000.00.GXX	Sắt thép các loại	Kg	32 835	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
452	2.05.55.000.000.00.GXX	Chi tiết cột thép	Kg	320 000	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
453	2.55.81.003.000.00.GXX	Đồng phế liệu	Kg	17	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
454	2.71.00.000.000.00.GXX	Nhôm các loại	Kg	19	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
455	3.10.87.002.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	6 099	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
456	3.10.87.246.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 120kN	Cái	160	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
457	3.10.87.428.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 160kN	Cái	2 187	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
458	3.10.87.615.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh F210/170DC	Cái	20	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
459	3.10.87.704.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh F300/195	Cái	640	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
460	3.15.25.090.000.00.GXX	Dây đồng trần 90 mm ²	Mét	5	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
461	3.15.28.002.000.00.GXX	Dây chống sét TK 70	Kg	16 983	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
462	3.15.28.500.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 500/64 mm ²	Kg	96	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
463	3.15.42.050.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 1*50 mm ²	Mét	30	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
464	3.15.44.003.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*2,5 mm ²	Mét	56	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
465	3.15.56.215.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*1,5 mm ²	Mét	100	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
466	3.15.56.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*2,5 mm ²	Mét	66	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
467	3.15.56.440.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*4 mm ²	Mét	10	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
468	3.20.65.804.000.00.GXX	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	111	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
469	3.20.66.000.000.00.GXX	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	395	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
470	3.20.86.000.000.00.GXX	Kẹp cực thiết bị	Cái	90	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
471	3.42.89.109.000.00.GXX	Chống sét van 110kV	Cái	6	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
472	3.50.00.001.000.00.GXX	Rơ-le các loại	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
473	3.50.22.110.000.00.GXX	Rơ-le so lệch dọc đường dây	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
474	3.50.56.000.000.00.GXX	Rơ-le trung gian	Cái	53	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
475	3.56.95.009.000.00.GXX	Biến điện áp 123kV	Cái	6	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
476	3.60.55.006.000.00.GXX	Công tơ điện tử	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
477	3.62.30.001.000.00.GXX	Đồng hồ đếm sét	Cái	4	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
478	3.62.95.000.000.00.GXX	Tủ điều khiển	Cái	3	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
479	3.63.00.225.000.00.GXX	Tủ đấu dây chung cho biến điện áp	Tủ	4	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
480	3.94.50.710.000.00.GXX	Tủ truyền động Dao cách ly	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
481	3.95.00.030.000.00.GXX	Vỏ tủ MK các loại	Cái	5	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
482	4.96.60.246.000.00.GXX	CPU máy tính các loại	Cái	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
483	5.20.02.092.000.00.G01	Block lạnh điều hòa	Cái	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
484	5.20.02.343.000.00.DXX	Quạt điện	Cái	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
485	5.80.40.035.000.00.G01	Quạt dàn nóng máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
486	5.80.40.040.000.00.DXX	Dàn lạnh máy điều hòa nhiệt độ	Cái	3	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
487	5.96.11.200.000.00.GXX	Màn hình máy vi tính	Cái	6	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
488	8.88.54.031.000.00.G01	Tivi	Cái	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
489	8.88.55.485.000.00.G05	Máy điều hòa nhiệt độ loại tủ đứng LG 46000 BTU	Bộ	2	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
490	8.90.90.295.000.00.GXX	Máy bơm điện	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
491	3.20.84.208.000.00.GXX	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	12	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
492	3.53.86.125.000.00.GXX	Biến dòng điện 245kV 400-800-1200/1/1/1/1A	Cái	6	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ
493	3.20.06.065.CHN.00.000	Ổng nối dây chống sét 5/16"	Cái	9	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
494	3.20.06.115.CHN.00.000	ổng nối dây chống sét Phlox 116 mm2	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
495	3.20.06.116.000.00.000	Ổng nối dây chống sét Phlox 116 mã hiệu CMJ-116	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
496	3.20.60.116.000.00.000	khóa néo dây chống sét PHLOX 116	Cái	2	TTĐ Đông Bắc 2, tổ 7 phố Lãm Hà, phường Kiến An, Hải Phòng
497	3.20.06.051.000.00.000	Ổng nối dây chống sét TK 50	Cái	5	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
498	3.20.60.887.000.00.000	Khóa néo ép dây TK 50 mã hiệu THC-50-3	Cái	8	TTĐ Ninh Bình, đường Nguyễn Bặc, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
499	3.20.83.304.CHN.00.000	Đầu cốt lèo 4 lỗ dây nhôm 300 mm2	Cái	1	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
500	TT1-202410120	Đồng hồ vạn năng đo vector dòng áp PW3360-20	Cái	1	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh
501	TT1-202410091	Máy đo nội trở ắc qui BT 3563	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
502	TT1-202410024	Cầu đo tang 2816/5284U và điện dung C	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
503	TT1-202410045	Máy đo điện trở tiếp xúc MOM 200A-GE	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
504	TT1-202410046	Máy đo điện trở tiếp xúc MOM 200A-GE	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
505	TT1-202410084	Đồng hồ Mê gồm 5000V 3455	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
506	TT1-202410085	Đồng hồ Mê gồm 5000V 3455	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
507	TT1-202410008	Hộp bộ thí nghiệm điện áp	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
508	TT1-202410032	Máy đo điện áp chọc thủng dầu cách điện	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
509	TT1-202410033	Máy đo điện áp chọc thủng dầu cách điện	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
510	TT1-202410040	Máy phân tích khí trong dầu MBA Transport	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
511	TT1-202410071	Máy đo hàm lượng ẩm trong dầu	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
512	TT1-202410010	Thiết bị đo độ ẩm khí SF6: XPDM	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
513	TT1-202410012	Máy kiểm tra rơ le	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
514	TT1-202410041	Hộp bộ thử thiết bị nhị thứ OMICRON CMC256-6	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
515	TT1-202410044	Thiết bị đo sơ đồ vector CDM 330-Deesoku techno	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
516	TT1-202410064	Đồng hồ vạn năng đo vec tơ CDM-330(Nhật)	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
517	TT1-202410014	H.thống p.tích MC 16 kênh	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
518	TT1-202410047	Xe Ford Transit BS 29X-8111	Cái	1	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội
519	TT1-432	Mitshubishi 29L - 3829	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
520	TT1-2073	Xe ô tô UAZ cứu thương 29Y-0861 (29B-60387)	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
521	TT1-2144	Xe ô tô UAZ 11 chỗ ngồi 29Y-4662	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
522	TT1-2143	Xe ô tô UAZ 11 chỗ ngồi 29Y-4096	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
523	TT1-201706002	Xe ô tô UAZ 74B-1006	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
524	TT1-2079	Xe ô tô UAZ chỉ huy 29Y-0811	Cái	1	TTĐ Hà Nội, 282 phố Khương Đình,, phường Khương Đình, Hà Nội
525	TT1-2139	XE UAZ 11 chỗ ngồi 14M-4412	Cái	1	TTĐ Đông Bắc 1, tổ 65 khu Hạ Khẩu 6, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
526	TT1-0002759	Máy vi tính XT Sony SZ55 GN/B	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
527	TT1-0002760	Máy vi tính XT Sony Vaio VPC-SA3CGX/BI Black	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
528	TT1-0002761	Máy vi tính XT Sony Vaio SVT13137CV	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
529	TT1-0002762	Máy tính XT Microsoft Surface Pro7	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
530	TT1-0002763	Máy vi tính XT Dell new XPS13	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
531	TT1-0002764	Máy tính xách tay Dell XPS 13 9360 Core i5 Ram 8Gb	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
532	TT1-0002767	Máy vi tính XT Macbook pro 13.3" Retina	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
533	TT1-0002770	Máy tính xách tay Toshiba M1	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
534	TT1-0002771	Máy vi tính XT Toshiba R200	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
535	TT1-0002772	Máy vi tính XT Sony vaio VGN-TT46GG	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
536	TT1-0002773	Máy vi tính XT lenovo X1 carbon2	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
537	TT1-0002774	Máy vi tính XT Dell XPS 13 9350	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
538	TT1-0002775	Máy tính xách tay Surface Pro 2017	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
539	TT1-0002776	Máy tính XT Dell XPS	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
540	TT1-0002780	Máy vi tính XT 223 Toshiba R100	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
541	TT1-0002781	Máy vi tính XT IBMT43	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
542	TT1-0002782	Máy vi tính XT Sony SZ55 GN/B	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
543	TT1-0002783	Máy vi tính XT Macbook pro retina 2014	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
544	TT1-0002784	Máy tính XT Dell XPS 139360 13.3"	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
545	TT1-0002785	Máy tính XT MACBOOK AIR 2018 256GB GOLD	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
546	TT1-0002786	Máy vi tính XT Toshriba	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
547	TT1-0002789	Máy vi tính XT Macbook Pro Retina	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
548	TT1-0002790	Máy vi tính xách tay Sony SVT 131	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
549	TT1-0002791	Máy tính xách tay Dell XPS 139360 Core i5 Ram 8Gb	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
550	TT1-0002792	Máy vi tính XT Notebook IBM Lenovo X61	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
551	TT1-0002794	Máy vi tính XT 0875	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
552	TT1-0002795	Máy vi tính XT Sony Vaio VGN-Z540EBB	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
553	TT1-0002796	Máy vi tính XT Toshiba 9100	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
554	TT1-0002797	Máy vi tính XT Sony VAIO	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
555	TT1-0002798	Máy vi tính XT Sony SZ55 GN/B	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
556	TT1-0002799	Máy vi tính XT Notebook IBM Lenovo X61	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
557	TT1-0002765	Máy tính xách tay Microsoft Surface Pro 2017	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
558	TT1-0002766	Máy tính xách tay Microsoft Surface Pro 2017	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
559	TT1-0002757	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
560	TT1-0002758	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
561	TT1-0002768	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
562	TT1-0002769	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
563	TT1-0002777	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
564	TT1-0002778	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
565	TT1-0002779	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
566	TT1-0002787	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
567	TT1-0002788	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
568	TT1-0002793	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội
		Tổng cộng		568	

PHỤ LỤC DANH MỤC VTTB ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ
NĂM 2026

Đề nghị thanh xử lý theo biên bản họp hội đồng định giá tài sản thành lý ngày 07 tháng 9 năm 2026

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
1	5.76.98.910.000.00.GXX	Đồng hồ K của bình dầu phụ	Cái	2	Nhà máy chế tạo thiết bị điện Đông Anh, Số 189, đường Lâm Tiên, xã Thụ Lâm, Hà Nội
2	5.80.11.520.000.00.GXX	Cuộn dây lõi máy biến áp kèm giấy, bìa và phíp cách điện thu hồi	Kg	32 163	Nhà máy chế tạo thiết bị điện Đông Anh, Số 189, đường Lâm Tiên, xã Thụ Lâm, Hà Nội
3	2.90.10.050.000.00.GXX	Tôn silic	Kg	5 000	Nhà máy chế tạo thiết bị điện Đông Anh, Số 189, đường Lâm Tiên, xã Thụ Lâm, Hà Nội
4	3.10.74.922.000.00.GXX	Sứ xuyên trung tính 72,5 kV	Cái	1	Nhà máy chế tạo thiết bị điện Đông Anh, Số 189, đường Lâm Tiên, xã Thụ Lâm, Hà Nội
5	3.15.55.020.000.00.GXX	Dây đồng bọc giấy cách điện quấn MBA	Kg	121	Nhà máy chế tạo thiết bị điện Đông Anh, Số 189, đường Lâm Tiên, xã Thụ Lâm, Hà Nội
		Tổng cộng		5	